

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND xã Cao Minh)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	170.307.600.000	TỔNG SỐ CHI	170.307.600.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		I. Chi đầu tư phát triển	17.905.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		II. Chi thường xuyên	149.511.600.000
III. Thu bổ sung	170.307.600.000	III. Dự phòng	2.891.000.000
- Bổ sung cân đối	135.875.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	34.432.600.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ/UBND ngày 24/9/2025 của UBND xã Cao Minh)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Thu NS NN	Thu NS xã	
A	B	3	4	
	TỔNG THU	171.242.600.000	170.307.600.000	
I	Các khoản thu 100%			
-	Phí, lệ phí			
-	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			
-	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
-	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			
-	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			
-	Đóng góp của nhân dân theo quy định			
-	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
	Thu khác			
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	935.000.000		
1	Các khoản thu phân chia	935.000.000		
-	Thuế thu nhập cá nhân	73.000.000		
-	Thuế giá trị gia tăng	123.500.000		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.500.000		
-	Lệ phí trước bạ	346.000.000		
-	Phí, lệ phí khác	73.000.000		
-	Thu khác	310.000.000		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			
IV	Thu chuyển nguồn			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	170.307.600.000	170.307.600.000	
-	Bổ sung cân đối ngân sách	135.875.000.000	135.875.000.000	
-	Bổ sung có mục tiêu	34.432.600.000	34.432.600.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ/UBND ngày 24/9/2025 của UBND xã Cao Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	170.307.600.000	17.905.000.000	152.402.600.000
	Trong đó	170.307.600.000	17.905.000.000	152.402.600.000
1	Chi quốc phòng	1.779.000.000		1.779.000.000
2	Chi an ninh	984.000.000		984.000.000
3	Chi giáo dục	95.820.590.175	3.199.615.175	92.620.975.000
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
5	Chi y tế	21.481.000		21.481.000
6	Chi văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao	632.000.000		632.000.000
7	Chi phát thanh, truyền thanh	63.000.000		63.000.000
8	Chi bảo SN môi trường	267.000.000		267.000.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	29.963.528.825	14.705.384.825	15.258.144.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.369.000.000		29.369.000.000
11	Chi cho công tác xã hội	7.392.000.000		7.392.000.000
12	Chi khác	386.000.000		386.000.000
13	Dự phòng ngân sách	2.891.000.000		2.891.000.000
14	Tiết kiệm 10 % chi thường xuyên 7 tháng cuối năm và dự toán năm 2024 huyện xuống xã	738.000.000		738.000.000
15	Tiết kiệm 10 % chi thường xuyên 7 tháng cuối năm và dự toán năm 2024tỉnh xuống xã	1.000.000		1.000.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÃ CAO MINH NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ/UBND ngày 24/9/2025 của UBND xã Cao Minh)

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch vốn năm 2025			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP		
A	B	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG		45.805.481.511	42.598.081.511	3.207.400.000	24.768.863.782	23.541.247.782	1.227.616.000	17.905.000.000	16.636.000.000	1.269.000.000		
A	CT MTQG giảm nghèo bền vững		17.279.362.957	16.279.362.957	1.000.000.000	13.579.363.782	12.933.747.782	645.616.000	3.700.000.000	3.346.000.000	354.000.000		
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo		17.279.362.957	16.279.362.957	1.000.000.000	13.579.363.782	12.933.747.782	645.616.000	3.700.000.000	3.346.000.000	354.000.000		
1	Nâng cấp cầu trần Phiêng Puốc, xã Cao Tân, huyện Pắc Nặm	2024-2026	2.324.894.132	2.324.894.132	0	1.824.894.132	1.824.894.132	0	470.308.934	470.308.934	0	Phòng Kinh tế	
2	Trường PTDTBT THCS Cao Tân	2024-2026	14.954.468.825	13.954.468.825	1.000.000.000	11.754.469.650	11.108.853.650	645.616.000	3.199.615.175	2.845.615.175	354.000.000	Phòng Kinh tế	
3	Kinh phí dự do công trình đã quyết toán và chênh lệch do tính làm tròn số để ngân sách xã								30.075.891	30.075.891			
B	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		25.502.118.554	23.438.718.554	2.063.400.000	8.751.500.000	8.257.500.000	494.000.000	13.619.000.000	12.760.000.000	859.000.000		
I	Dự án 1- Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất)		15.136.000.000	13.760.000.000	1.376.000.000	4.521.500.000	4.157.500.000	364.000.000	9.662.000.000	9.082.500.000	579.500.000		
1	Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất xã Công Bằng	2022-2025	4.796.000.000	4.360.000.000	436.000.000	617.000.000	565.000.000	52.000.000	4.003.000.000	3.635.000.000	368.000.000	Phòng Văn hóa - Xã hội	
2	Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất xã Cao Tân	2022-2025	3.036.000.000	2.760.000.000	276.000.000	1.434.500.000	1.322.500.000	112.000.000	1.601.500.000	1.437.500.000	164.000.000	Phòng Văn hóa - Xã hội	
3	Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất xã Cổ Linh	2022-2025	7.304.000.000	6.640.000.000	664.000.000	2.470.000.000	2.270.000.000	200.000.000	4.057.500.000	4.010.000.000	47.500.000	Phòng Văn hóa - Xã hội	
II	Tiểu DA1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng ĐB DTTS&MN		10.366.118.554	9.678.718.554	687.400.000	4.230.000.000	4.100.000.000	130.000.000	3.957.000.000	3.677.500.000	279.500.000		
1	Đường Khuổi Ý - Bán Pjao xã Cao Tân	2024-2026	2.300.000.000	2.200.000.000	100.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	0	450.000.000	450.000.000	0	Phòng Kinh tế	

2	Đường Phja Bâ - Phja Sáng	2024-2025	1.166.118.554	1.056.618.554	109.500.000	600.000.000	600.000.000	0	512.002.739	402.502.739	109.500.000	Phòng Kinh tế	
3	Đường Phya Deng-Khên Lèn	2025-2025	700.000.000	700.000.000	0	0	0	0	250.000.000	250.000.000	0	Phòng Kinh tế	
4	Đổ bê tông đường Lũng Vài-Phiêng Muồi	2025-2025	1.200.000.000	1.200.000.000	0	0	0	0	1.200.000.000	1.200.000.000	0	Phòng Kinh tế	
5	Nâng cấp đường Nà Lài-Lũng Pạp (đoạn2)	2025-2026	2.500.000.000	2.322.100.000	177.900.000	0	0	0	1.374.997.261	1.374.997.261	0	Phòng Kinh tế	
6	Nâng cấp Đường Cà Chi - Năm Nhi, thôn Bản Sáng, xã Cô Linh	2023-2024	2.500.000.000	2.200.000.000	300.000.000	2.330.000.000	2.200.000.000	130.000.000	170.000.000	0	170.000.000	Phòng Kinh tế	
C	Chương trình MTQG XD nông thôn mới		3.024.000.000	2.880.000.000	144.000.000	2.438.000.000	2.350.000.000	88.000.000	586.000.000	530.000.000	56.000.000		
1	Nâng cấp đường Nà Lài - Lũng Pạp (đoạn1)	2024-2025	3.024.000.000	2.880.000.000	144.000.000	2.438.000.000	2.350.000.000	88.000.000	575.357.735	519.357.735	56.000.000	Phòng Kinh tế	
2	Kinh phí dư do công trình đã quyết toán để ngân sách xã								10.642.265	10.642.265			

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ/UBND ngày 24/9/2025 của UBND xã Cao Minh)

Đơn vị tính: Đồng

[illegible]

